TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2024
V/v: Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Danh Đẹp**

Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Như Ngọc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh Th,** sinh năm 1987(Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã Th, huyện T, tỉnh K.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ch, tỉnh K.

(Chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-4-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Th trình bày: Vào năm 2004 anh và chị Nguyễn Thị L thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xãy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau

trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Từ đó dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2016 cho đến nay.

Quá trình chung sống anh Th và chị L có với nhau 02 con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 29-7-2006 và Nguyễn T V, sinh ngày 10-11-2014

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh Nguyễn Minh Th có yêu cầu*:*

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Có 02 con chung 1/Nguyễn Minh T, sinh ngày 29-7-2006; 2/ Nguyễn Tường V, sinh ngày 10-11-2014. Anh Th đồng ý giao 02 con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi các con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07-5-2024;Biên bản hòa giải ngày 07-5-2024 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21-6-2024 bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Minh Th về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay anh Nguyễn Minh Th yêu cầu xin ly hôn thì chị có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh Th

- Về con chung: Có 02 con Nguyễn Minh T, sinh ngày 29-7-2006 và Nguyễn T V, sinh ngày 10-11-2014, chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dương 02 con, chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi các con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 05-4-2024 anh Nguyễn Minh Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Đây là vụ án " Tranh chấp ly hôn và nuôi con " theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Toà án nhân dân huyện Ch, tỉnh K. Bị đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Th* và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau vào năm 2004, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận anh Nguyễn Minh Th và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Anh Nguyễn Minh Th và chị Nguyễn Thị L xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 02 người con Nguyễn Minh T, sinh ngày 29-7-2006 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 10-11-2014. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Th và chị L thống nhất thỏa thuận giao 02 con cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của anh Th và chị L phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp theo nguyện vọng của các con, nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh Th và chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh Th và chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Minh Th là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Nguyễn Minh Th và chị Nguyễn Thị L .

2.Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Minh Th và chị Nguyễn Thị L giao 02 con Nguyễn Minh T, sinh ngày 29-7-2006 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 10-11-2014 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh Th và chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh Th và chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí: Anh Nguyễn Minh Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng anh Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005459, ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Minh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng